





Mã nhận dạng 01718

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Lập trình nâng cao(214331)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH18DTA\_02**

Tổ Thi

**001\_DH18DTA\_03**

Tên CBGD

**Trần Thị Thanh Nga**

Ngày Thi **12/06/2019**

Giờ Thi

**07:30**

Phòng Thi

**P1**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Tên Lớp | Chữ ký      | Số tờ | D1<br>40% | D2<br>30% | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------|---------|-------------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 17  | 17130021 | Phạm Thanh Ngọc | Đào     | <i>Đào</i>  | 117   | 10        | 7.4       | 5.6         | 6.6            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 16130319 | Lương Thành     | Đạt     | <i>Đạt</i>  | 118   | 8.0       | 5.2       | 3.2         | 4.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 18130033 | Phạm Xuân       | Đạt     |             | —     | 8.0       | 5.8       | 0.0         | 1.9            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 14130191 | Võ Bá Hoàng     | Đặng    | <i>Đặng</i> | 120   | 8.0       | 5.8       | 4.8         | 5.4            | 0012345678910  | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi 13. Số sinh viên vắng 03

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa \_\_\_\_\_

Cán Bộ Chấm Thi 1 \_\_\_\_\_

Cán Bộ Chấm Thi 2 \_\_\_\_\_

*Trần Thị Thanh Nga*

*Võ Tấn Lộc*

*Le Phi Hùng*

*Trần Thị Thanh Nga*

Ngày in : 23/05/2019



Mã nhận dạng 01719

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Lập trình nâng cao(214331)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH18DTA\_02**

Tổ Thi

**001\_DH18DTA\_03**

Tên CBGD

**Trần Thị Thanh Nga**

Ngày Thi **12/06/2019**

Giờ Thi

**07:30**

Phòng Thi

**P1**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>30% | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tổ điểm nguyên | Tổ điểm lẻ |
|-----|----------|------------------|---------|--------------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 18130039 | Triệu Thanh      | Điền    | <i>Điền</i>  | 221   | 8.0       | 7.1       | 3.0         | 4.7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 18130040 | Đinh Công        | Điêu    | <i>Điêu</i>  | 222   | 6.0       | 3.4       | 0.0         | 1.6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 18130045 | Đào Hữu          | Đức     | <i>Đức</i>   | 223   | 4.0       | 0.0       | 0.0         | 0.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 18130061 | Nguyễn Thị       | Giang   | <i>Giang</i> | 202   | 10        | 6.7       | 2.4         | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 18130069 | Bùi Thiên        | Hào     | <i>Hào</i>   | 203   | 9.0       | 4.7       | 1.4         | 3.2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 18130073 | Vũ Trương Quang  | Hào     | <i>Quang</i> | 204   | 10        | 7.2       | 5.8         | 6.6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 15130055 | Phạm Thị         | Hiền    | <i>Hiền</i>  | 219   | 8.0       | 4.6       | 3.1         | 4.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 17130069 | Nguyễn Minh      | Hiếu    | <i>Hiếu</i>  | 206   | 9.0       | 4.9       | 3.6         | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 14130039 | Đoàn Văn         | Hòa     | <i>Hòa</i>   | 207   | 0.0       | 5.8       | 4.6         | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 17130072 | Hồ Ngọc          | Hoan    | <i>Hoan</i>  | 208   | 4.0       | 4.1       | 4.2         | 4.2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 18130084 | Nguyễn Mậu Thanh | Hoàng   | <i>Hoàng</i> | 209   | 10        | 4.0       | 1.3         | 3.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 18130087 | Võ Thị Kim       | Hồng    | <i>Hồng</i>  | 210   | 9.0       | 4.2       | 2.2         | 3.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 17130085 | Nguyễn Tấn       | Huy     | <i>Tấn</i>   | 211   | 10        | 8.7       | 3.9         | 6.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 18130097 | Nguyễn Phạm Quốc | Huy     | <i>Quốc</i>  | 212   | 7.0       | 5.8       | 6.7         | 6.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 16130417 | Ngô Văn          | Huỳnh   | <i>Huỳnh</i> | 213   | 6.0       | 6.0       | 5.7         | 5.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 16  | 18130091 | Tăng Kiều        | Hưng    | <i>Hưng</i>  | 214   | 10        | 6.9       | 5.2         | 6.2            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 01719

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Lập trình nâng cao(214331)**

Số Tin Ch 4

Nhóm Thi **DH18DTA\_02**

Tổ Thi

**001\_DH18DTA\_03**

Tên CBGD

**Trần Thị Thanh Nga**

Ngày Thi **12/06/2019**

Giờ Thi

**07:30**

Phòng Thi

**P1**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | Đ1 % | Đ2 % | Điểm thi | Điểm T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------|---------|--------------|-------|------|------|----------|-------------|----------------|------------|
| 17  | 18130103 | Lê Bình         | Khang   | <i>Khang</i> | 215   | 7.0  | 10   | 10       | 9.7         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 18130107 | Nguyễn Đặng Duy | Khánh   | <i>Kh</i>    | 216   | 10   | 5.7  | 5.2      | 5.8         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 18130112 | Trịnh Lê Quốc   | Khánh   | <i>KL</i>    | 217   | 10   | 5.3  | 5.1      | 5.7         | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 18130115 | Lê Minh         | Khôi    | <i>KL</i>    | 218   | 10   | 6.2  | 1.0      | 3.5         | 0012345678910  | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi 18.. Số sinh viên vắng 02

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*N.T.P. Tran*

*Phu Hung*

*Trần Thị Thanh Nga*

Ngày in : 23/05/2019





Mã nhận dạng 01720

13001

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Lập trình nâng cao(214331)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH18DTA\_02**

Tổ Thi

**001\_DH18DTA\_03**

Tên CBGD

**Trần Thị Thanh Nga**

Ngày Thi **12/06/2019**

Giờ Thi

**07:30**

Phòng Thi

**P1**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tờ | D1<br>10 % | D2<br>30 % | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------|---------|---------------|-------|------------|------------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 16130433 | Phạm Văn     | Lanh    | <i>Lanh</i>   | 301   | 9.0        | 4.0        | 0.4         | 2.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 2   | 18130122 | Phùng Việt   | Lâm     | <i>Loc</i>    | 302   | 10         | 7.2        | 1.6         | 4.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 3   | 18130126 | Nguyễn Kiều  | Linh    | <i>NK</i>     | 303   | 10         | 7.5        | 3.0         | 5.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 4   | 16130443 | Trần Hữu     | Linh    | <i>Cu</i>     | 304   | 6.0        | 4.2        | 4.0         | 5.8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 5   | 15130091 | Trần Minh    | Linh    | <i>Minh</i>   | 305   | 10         | 5.2        | 1.3         | 3.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 6   | 18130128 | Võ Duy       | Lộc     | <i>Loc</i>    | 306   | 7.0        | 9.7        | 9.3         | 9.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 7   | 17130117 | Phan Văn     | Luận    | <i>Phan</i>   | 307   | 8.0        | 9.0        | 5.8         | 7.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 8   | 18130137 | Nguyễn Hồng  | Mẫn     | <i>Nguyen</i> | 308   | 9.0        | 2.5        | 1.4         | 2.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 9   | 13329110 | Lê Hoàng     | Mến     | <i>Le</i>     | 309   | 10         | 7.8        | 1.7         | 4.4            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 10  | 18130140 | Hoàng Công   | Minh    | <i>Hoang</i>  | 310   | 10         | 8.1        | 4.7         | 6.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 11  | 17130140 | Đào Vũ Thảo  | Nguyễn  | <i>Nguyen</i> | 311   | 6.0        | 5.0        | 1.7         | 3.1            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 12  | 16130488 | Nguyễn Khánh | Nguyễn  | <i>Nguyen</i> | 312   | 0          | 0          | 0.3         | 0.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 13  | 16130493 | Nguyễn Chí   | Nguyễn  | <i>Nguyen</i> | 313   | 0          | 0          | 0           | 0              | 0012345678910  | 0123456789 |
| 14  | 18130157 | Lê Viết      | Nhà     | <i>Le</i>     | 314   | 10         | 10         | 7.1         | 8.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 15  | 16130497 | Nguyễn Thiện | Nhân    | <i>Nguyen</i> | 315   | 9.0        | 7.2        | 3.3         | 5.0            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 16  | 18130160 | Thạch Khánh  | Nhân    | <i>Thach</i>  | 316   | 10         | 5.8        | 4.1         | 5.2            | 0012345678910  | 0123456789 |



Mã nhận dạng 01720

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Lập trình nâng cao(214331)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH18DTA\_03**

Tổ Thi

**001\_DH18DTA\_03**

Tên CBGD

**Trần Thị Thanh Nga**

Ngày Thi **12/06/2019**

Giờ Thi

**07:30**

Phòng Thi

**P1**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ | D1<br>% | D2<br>% | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|--------------------|---------|--------------|-------|---------|---------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 17  | 18130174 | Lê Minh Phong      | DH18DTB | <i>Phong</i> | 313   | 6.0     | 3.7     | 0.8         | 2.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 18130178 | Nguyễn Hồng Phú    | DH18DTA |              | —     | 3.0     | 0.1     | 0.0         | 0.3            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 18130181 | Lê Đình Phùng      | DH18DTA | <i>Phùng</i> | 310   | 5.0     | 2.0     | 4.0         | 3.5            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 18130184 | Hoàng Quang Phường | DH18DTA | <i>Ph</i>    | 320   | 10      | 4.7     | 4.6         | 5.2            | 0012345678910  | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi ..18. Số sinh viên vắng ..2.

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa \_\_\_\_\_

Cán Bộ Chấm Thi 1 \_\_\_\_\_

Cán Bộ Chấm Thi 2 \_\_\_\_\_

*Đỗ Thị Yến Nhi*

*Phan Anh Long*

*Lê Phú Trung*

*Trần Thị Thanh Nga*

Ngày in : 23/05/2019



Mã nhận dạng 01721

14 01

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Lập trình nâng cao(214331)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH18DTA\_02**

Tổ Thi

**001\_DH18DTA\_03**

Tên CBGD

**Trần Thị Thanh Nga**

Ngày Thi **12/06/2019**

Giờ Thi

**07:30**

Phòng Thi

**P1**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        | Tên Lớp | Chữ ký       | Số tờ<br>may | Đ1<br>10 % | Đ2<br>30 % | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|---------------------|---------|--------------|--------------|------------|------------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 18130187 | Bùi Xuân Quang      | DH18DTB | <i>Quang</i> | 401          | 10         | 2.4        | 0.6         | 2.1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 18130192 | Huỳnh Ái Quốc       | DH18DTB |              | —            | 3.0        | 0.0        | 0.0         | 0.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 18130194 | Nguyễn Văn Quốc     | DH18DTA | <i>Quốc</i>  | 403          | 8.0        | 8.4        | 0.7         | 3.7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 16130549 | Châu Văn Sơn        | DH16DTB | <i>Sơn</i>   | 404          | 9.0        | 7.5        | 3.6         | 5.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 18130201 | Nguyễn Anh Sơn      | DH18DTA | <i>Sơn</i>   | 405          | 5.0        | 1.8        | 0.2         | 1.2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 15130158 | Phạm Hoàng Sơn      | DH15DTA | <i>Sơn</i>   | 406          | 6.0        | 5.8        | 1.2         | 3.1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 17130195 | Tô Huy Sơn          | DH17DTA | <i>Sơn</i>   | 407          | 10         | 6.3        | 7.2         | 7.2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 16130567 | Châu Phạm Minh Tân  | DH16DTC |              | —            | 0          | 0          | 0           | 0              | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 18130208 | Phạm Nhật Tân       | DH18DTA | <i>Tân</i>   | 408          | 10         | 5.6        | 3.4         | 4.7            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 18130211 | Ngô Thanh Tân       | DH18DTA | <i>Tân</i>   | 410          | 10         | 4.6        | 1.6         | 3.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 16130577 | Phạm Quốc Thanh     | DH16DTB | <i>Thanh</i> | 411          | 7.0        | 6.5        | 3.2         | 4.6            | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 14130116 | Lê Minh Thắng       | DH14DTA |              | —            | 0          | 3.5        | 0           | 1.1            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 15130171 | Nguyễn Minh Thắng   | DH15DTB |              | —            | 0          | 0          | 0           | 0              | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 18130223 | Tô Nguyễn Thanh Thế | DH18DTA | <i>Thế</i>   | 414          | 3.0        | 0          | 0.2         | 0.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 16130595 | Mai Quang Thịnh     | DH16DTB | <i>Thịnh</i> | 415          | 8.0        | 9.8        | 9.2         | 9.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 16  | 17130232 | Trần Hằng Hải Thông | DH17DTB |              | —            | 7.0        | 1.8        | 0           | 1.2            | 001234567890   | 0123456789 |



Mã nhận dạng 01721

### Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Lập trình nâng cao(214331)**

Số Tin Ch 4

Nhóm Thi **DH18DTA\_02**

Tổ Thi

**001\_DH18DTA\_03**

Tên CBGD

**Trần Thị Thanh Nga**

Ngày Thi **12/06/2019**

Giờ Thi

**07:30**

Phòng Thi

**P1**

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    | Tên Lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>10% | Đ2<br>30% | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-----------------|---------|--------|-------|-----------|-----------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 17  | 16130600 | Trần Nguyễn Anh | Thông   |        | 4/7   | 8.0       | 6.9       | 1.3         | 3.7            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 18  | 18130229 | Lê Thị Cẩm      | Thu     |        | 4/8   | 10        | 8.1       | 2.3         | 4.8            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 19  | 18130232 | Huỳnh Chí       | Thuần   |        | 4/9   | 10        | 9.6       | 5.6         | 7.2            | 0012345678910  | 0123456789 |
| 20  | 17130238 | Võ Nguyễn Châu  | Thuận   |        | 4/20  | 10        | 5.8       | 3.2         | 4.7            | 0012345678910  | 0123456789 |

Số sinh viên dự thi 15. Số sinh viên vắng 5...

Ngày \_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_ Năm \_\_\_\_

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa \_\_\_\_\_

Cán Bộ Chấm Thi 1 \_\_\_\_\_

Cán Bộ Chấm Thi 2 \_\_\_\_\_

Vũ Văn Tâm

Trương Hải Châu

Lê Phi Hùng

Trần Thị Thanh Nga

Ngày in : 23/05/2019





Mã nhận dạng 01722

**Bảng Ghi Điểm Thi**

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Lập trình nâng cao(214331)**

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi **DH18DTA\_02**

Tổ Thi **001\_DH18DTA\_03**

Tên CBGD **Trần Thị Thanh Nga**

Ngày Thi **12/06/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **P1**

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      | Tên Lớp | Chữ ký        | Số tài | Đ1<br>10 % | Đ2<br>30 % | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô điểm nguyên | Tô điểm lẻ |
|-----|----------|-------------------|---------|---------------|--------|------------|------------|-------------|----------------|----------------|------------|
| 1   | 15130192 | Nguyễn Thị Thủy   | DH15DTB | <i>Thủy</i>   | 101    | 9.0        | 4.9        | 3.5         | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 2   | 18130230 | Huỳnh Thị Anh     | DH18DTC | <i>Anh</i>    | 102    | 7.0        | 3.3        | 1.2         | 2.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 3   | 18130246 | Nguyễn An         | DH18DTC | <i>An</i>     | 103    | 7.0        | 6.3        | 2.4         | 4.0            | 001234567890   | 0123456789 |
| 4   | 18130255 | Phan Hữu Trí      | DH18DTC |               | —      | 0          | 6.0        | 0           | 1.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 5   | 15130207 | Nguyễn Văn Trọng  | DH15DTB | <i>Trọng</i>  | 105    | 6.0        | 3.7        | 3.0         | 3.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 6   | 18130262 | Nguyễn Bảo Trường | DH18DTA |               | —      | 2.0        | 0          | 0           | 0.2            | 001234567890   | 0123456789 |
| 7   | 17130915 | Trần Xuân Trường  | DH17DTB | <i>Trường</i> | 104    | 1.0        | 3.1        | 2.4         | 2.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 8   | 15130215 | Vô Hữu Tú         | DH15DTC | <i>Tú</i>     | 110    | 8.0        | 3.7        | 4.8         | 4.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 9   | 18130268 | Cao Dương Tuấn    | DH18DTA | <i>Tuấn</i>   | 109    | 9.0        | 8.3        | 2.3         | 4.8            | 001234567890   | 0123456789 |
| 10  | 14130361 | Nguyễn Tuấn       | DH14DTB | <i>Tuấn</i>   | 111    | 6.0        | 7.4        | 4.5         | 5.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 11  | 16130645 | Nguyễn Văn Tuấn   | DH16DTB |               | —      | 0          | 0          | 0           | 0              | 001234567890   | 0123456789 |
| 12  | 18130272 | Ninh Anh Tuấn     | DH18DTA | <i>Tuấn</i>   | 112    | 8.0        | 1.3        | 1.9         | 2.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 13  | 18130274 | Nguyễn Đỗ Tùng    | DH18DTA | <i>Tùng</i>   | 113    | 7.0        | 2.2        | 0.2         | 1.5            | 001234567890   | 0123456789 |
| 14  | 18130280 | Nguyễn Xuân Vi    | DH18DTA | <i>Vi</i>     | 114    | 8.0        | 7.0        | 0.7         | 3.3            | 001234567890   | 0123456789 |
| 15  | 18130283 | Nguyễn Quốc Việt  | DH18DTA |               | —      | 4.0        | 0          | 0           | 0.4            | 001234567890   | 0123456789 |
| 16  | 15130233 | Đinh Ngọc Vũ      | DH15DTC | <i>Vũ</i>     | 116    | 10         | 3.9        | 3.8         | 4.5            | 001234567890   | 0123456789 |